

令和 3 年 11 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	47.2 t	7.38	3.0 cm	16.0 °C	
放流量	47.6 t	7.67	50.0 cm	16.0 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	314 KWH	4,043 KWH	6.30 t	
日平均使用量	10.1 KWH	130.4 KWH	0.20 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	5台: 2.38t	23台: 35.43t	33台: 22.55t	8台: 23.97t	1台: 2.16t	
前月累計	47台: 22.59t	208台: 410.55t	242台: 180.24t	80台: 254.46t	8台: 20.84t	
年度計	52台: 24.97t	231台: 445.98t	275台: 202.79t	88台: 278.43t	9台: 23.00t	

小計	
月計	70台: 86.49 t
前月累計	585台: 888.68 t
年度計	655台: 975.17 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	70台: 86.49 t
前月累計	1.54 t	585台: 890.22 t
年度計	1.54 t	655台: 976.71 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	20台	216 m ³
前月累計	170台	2,222 m ³
年度計	190台	2,438 m ³

項目	日
搬入日数	18
日平均搬入数量	4.81 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	133.67 t	94台
5	134.03 t	98台
6	186.18 t	112台
7	118.39 t	70台
8	104.85 t	61台
9	114.56 t	69台
10	98.54 t	81台
11	86.49 t	70台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	976.71 t	655台

薬品名	使用量
スケール分散剤	40.00 kg
凝集剤 パック	100.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.60 kg
固形塩素剤	3.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	m ³
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	8 °C	14 °C	1 °C
2	曇/雨	9 °C	10 °C	5 °C
3		°C	°C	°C
4	晴	10 °C	13 °C	5 °C
5	晴	9 °C	14 °C	5 °C
6		°C	°C	°C
7		°C	°C	°C
8	晴	3 °C	13 °C	1 °C
9	雨	13 °C	15 °C	10 °C
10	雨/晴	9 °C	13 °C	9 °C
11	晴	10 °C	11 °C	7 °C
12	曇/晴	9 °C	12 °C	4 °C
13		°C	°C	°C
14		°C	°C	°C
15	晴/雨	9 °C	9 °C	2 °C
16	曇	6 °C	6 °C	2 °C
17	晴	6 °C	9 °C	3 °C
18	晴	5 °C	9 °C	-1 °C
19	晴/雨	8 °C	13 °C	4 °C
20		°C	°C	°C
21		°C	°C	°C
22	曇/雨	6 °C	12 °C	1 °C
23		°C	°C	°C
24	晴	3 °C	5 °C	-1 °C
25	晴/曇	1 °C	5 °C	-2 °C
26	曇	3 °C	6 °C	-2 °C
27		°C	°C	°C
28		°C	°C	°C
29	晴	2 °C	8 °C	-2 °C
30	晴/曇	4 °C	10 °C	1 °C